**Ngày soạn: 20/9/2023**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 5:**

**Chủ đề 2: Một số danh nhân nổi tiếng Hà Nội xưa.**

**I**. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

*1. Kiến thức*:

- Nhận biết và kể tên được một số danh nhân tiêu biểu của thủ đô Hà Nội từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

- Trình bày được một số hoạt động đề cao truyền thống của người dân thủ đô từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII đối với các danh nhân.

*2. Năng lực*

- Bồi dưỡng kĩ năng, việc làm để phát huy truyền thống hiếu học.

*3. Phẩm chất:*

- Có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy truyền thống hiếu học của người dân thủ đô

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. GV: - Giáo án, tư liệu danh nhân tiêu biểu của Hà Nội từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIX

2. HS: Tìm hiểu truyền thống hiếu học của người dân thủ đô

**III.** **TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1p)**

**2. Bài mời**

***A. Mở đầu (4p)***

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu các danh nhân văn hóa lịch sử thành phố Hà Nội

**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập : GV chiếu một số tác phẩm văn học, chân dung các danh nhân văn hóa, yêu cầu HS nêu hiểu biết về danh nhân đó.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh quan sát hình ảnh, đoán tên các danh nhân.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- Học sinh trả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- Giáo viên quan sát, nhận xét hoạt động học của học sinh:

- GV dẫn dắt vào bài:

***B. Hình thành kiến thức mới (25p)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **? Em hãy kể tên m**ột số danh nhân tiêu biểu của thủ đô Hà Nội từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIX.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS căn cứ vào môn lịch sử thảo luận để tìm ra các danh nhân tiêu biểu  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Học sinh trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Giáo viên quan sát, nhận xét hoạt động học của học sinh  GV chốt ý và cung cấp cụ thể các danh nhân qua các thời kì lịch sử | **1, Một số danh nhân tiêu biểu của thủ đô Hà Nội từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIX.**  **1. Phạm Tu (486-545)**  Phạm Tu sinh ra ở làng Quang Liệt (nay là Thanh Liệt – Thanh Trì). Ông là vị tướng tài có công bậc nhất trong việc giúp Lý Bí đuổi giặc Lương, lập nhà nước Vạn Xuân vào thế kỷ thứ 6.   Phạm Tu là một đô vật giỏi. Năm 541, bất bình trước ách thống trị tàn ác của nhà Lương, ông đã tập hợp trai làng chống lại. Năm sau, Lý Bí dựng cờ khởi nghĩa, ông đem quân gia nhập ngay và đi tiên phong đánh thành Long Biên, trị sở của bọn đô hộ. Tên thứ sử tham bạo phải xéo chạy. Đất nước giải phóng, ông xây lũy bên sông Tô để phòng vệ. Nhà Lương hai lần phản kích đều bị ông chặn đánh từ biên ải.  Tháng Giêng năm 544, Lý Bí lên ngôi, Phạm Tu được cử thống lĩnh binh quyền, dẹp các cát cứ địa phương, nên được vua ban tước Phụ Man tướng quân. Bởi vậy nhân dân còn gọi ông là Lý Phục Man. Trong lần quân Lương sang xâm lược lần thứ ba, ông hy sinh anh dũng trong một trận đánh ác liệt ở ngay cạnh dòng sông Tô quê hương.  Các triều sau sắc phong ông là Hộ quốc tế dân, Anh uy vĩ độ (có nghĩa là "Giúp nước cứu dân, anh hùng hào kiệt").    **2. Lý Thường Kiệt (1019-1105)**  Tên thật là Ngô Tuấn, sinh ở làng An Xá (hay còn gọi là làng Cơ Xá bên sông Hồng) sau về ở phường Thái Hòa (gần Hồ Tây). Ông là con một vị võ quan nhỏ đời Lý Thái Tông. Ông mồ côi cha từ năm 13 tuổi, được chồng cô nuôi ăn học. Ông miệt mài theo đuổi cả văn lẫn võ, tinh thông binh pháp. Năm 23 tuổi ông đã là thị vệ theo hầu vua, trông coi nội đình. Năm 1069 ông theo Lý Thánh Tông đi dẹp Chiêm Thành. Ông đã lập nhiều công lớn  nên được phong  làm Phụ quốc thái úy tước Khai quốc công và được vua ban cho họ Lý nên mới thành tên Lý Thường Kiệt.  Năm 1072 Lý Nhân Tông nối ngôi khi còn nhỏ tuổi nên Hoàng Thái hậu Ỷ Lan phải ra nhiếp chính. Lý Thường Kiệt nắm giữ binh quyền và là trụ cột của triều nhà Lý trong hàng chục năm.  Năm 1075, trước âm mưu xâm lược của giặc Tống, ông chủ trương tấn công trước vào tận sào huyệt của chúng ở Châu Ung, rồi rút về xây dựng phòng tuyến sông Cầu để cản giặc. Năm 1077 ông lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống trên sông Cầu. Ông đã viết bài thơ “Nam quốc sơn hà” để cổ vũ quân ta anh dũng xông lên phá tan 30 vạn quân địch do Quách Quỳ, Triệu Tiết cầm đầu và cũng là để khẳng định quyền độc lập thiêng liêng bất khả xâm phạm của Tổ quốc.  Sau khi phá tan giặc Tống vua Lý Nhân Tông nhận ông là em nuôi. Ông đựoc phong tước Việt Quốc Công và được cử đi trông coi vùng châu Ái (Thanh Hóa).  **3. Ỷ Lan (?-1117)**  Ỷ Lan tên thật là Lê Thị Yên (hoặc Lê Thị Mệnh), người làng Thổ Lỗi (hay còn gọi là làng Sủi) sau là làng Siêu Loại (xã Dương Xá, huyện Gia Lâm).  - Xuất thân: vốn là con nhà nghèo  - Nhập cung: . Ỷ Lan là người ham học hỏi, có tài quản lý nội chính trong cung. Vua đi đánh Chiêm thành giao lại quyền nhiếp chính cho bà. Gặp năm mất mùa, đói kém, nhưng nhờ kế sách trị nước đúng đắn bà đã làm yên lòng dân. Nhớ ơn bà, nhiều nơi lập đền thờ sống và gọi bà là Quan Âm nữ. Vua đánh lâu không thắng, giao cho Lý Thường Kiệt chỉ huy, quay về đến nửa đường nghe tin Ỷ Lan giữ vững yên hậu phương, vua hổ thẹn trở lại chiến trường và quyết đánh thắng giặc mới về. Vua mất, bà là Hoàng thái hậu nhiếp chính, cùng Lý Thường Kiệt – tể tướng Đại Việt đánh thắng quân xâm lược Tống năm 1077.  Bà khuyến khích nghề nông, mở mang đạo Phật, được dân tin yêu, cảm phục, nổi danh là bà thái hậu hiền thục trong sử sách. Bà thọ khoảng 70 tuổi, khi mất được hỏa táng, dâng thụy là Long Nhâm Hoàng thái hậu, mai táng ở Thọ Lăng phủ Thiên Đức. Đền chính thờ bà ở Dương Xá thường được gọi là đền Bà Tấm.    **4. Trần Thị Dung (?-1259)**    Bà vốn là vợ vua Lý Huệ Tông, là mẹ hai công chúa Thuận Thiên và Chiêu Hoàng. Sau khi nhà Lý truyền ngôi cho nhà Trần, bà là bạn đời của Thái sư Trần Thủ Độ. Cuối năm 1257, quân Mông Cổ vào xâm lược nước ta, do lực lượng của ta còn yếu, triều đình phải rút khỏi Thăng Long. Bà đứng ra chỉ huy việc sơ tán toàn bộ hoàng gia, vợ con tướng sĩ bằng đường thủy xuống vùng Hoàng Giang (Phủ Lý); điều động dân kinh thành di chuyển kho vũ khí, quân lương chỉ dăm hôm đã xong, đồng thời khuyên dân dời nhà tạm lánh. Khi giặc vào Thăng Long chỉ còn là một tòa thành rỗng, không có lương thực, không có dân. Chúng bị động hoang mang, thừa cơ quân dân ta mở cuộc phản công tại Đông Bộ Đầu (1-1258) và giành đại thắng. Trong chiến công lớn lao này có phần đóng góp quan trọng của bà Trần Thị Dung – Linh Từ quốc mẫu.    **5. Trần Quốc Tuấn (1231 – 1300)**  Ông là con An Sinh vương Trần Liễu, gọi vua Trần Thái Tông là chú ruột. Họ Trần quê ở Tự Mặc (Nam Hà), nhưng ông lại sinh ra ở Thăng Long. Từ nhỏ Trần Quốc Tuấn đã rất chăm học,  lại ham tập luyện võ nghệ và có lòng yêu nước thương dân. Năm 1258, quân Nguyên sang xâm lược lần thứ nhất ông chỉ huy một cánh quân chặn giặc ở biên giới. Hai lần đánh quân Nguyên Mông sau (1258, 1288) ông là Quốc công Tiết chế, tổng chỉ huy cuộc kháng chiến.  Với tri thức quân sự uyên bác, tài binh lược sáng tạo, lòng yêu Tổ quốc thiết tha, quý quân sĩ như con, ông đã điều binh, khiển tướng phá tan giặc Nguyên Mông và giành toàn thắng. Ông là tác giả bản hùng văn “Hịch tướng sĩ” làm nức lòng quân sĩ và hai pho sách quân sự giá trị: *Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp tông bí truyền thư.*  Sau chiến tranh, ông tiếp tục chăm lo quốc phòng, không mưu lợi riêng. Vua Trần phong ông là Hưng Đạo Đại Vương. Trần Hưng Đạo được coi là anh hùng bậc nhất trong lịch sử dân tộc. Ông là một tron g 10 vị tướng nổi tiếng trên thế giới.    **6. Trần Quang Khải (1241-1294)**  Là con thứ vua Trần Thái Tông, mẹ là hoàng hậu Thuận Thiên họ Lý, ông sinh ra ở kinh thành. Thuở nhỏ, Trần Quang Khải đã tỏ ra là một cậu bé ham học, lại được nhà giáo, nhà sử học Lê Văn Hưu rèn cặp nên về sau ông là người hiểu rộng, biết nhiều, lại thông thạo nhiều ngôn ngữ của các dân tộc khác. Ông thường được gọi vào tiếp sứ thần các nước, đàm đạo văn chương. Năm 1258, ông được vua phong làm Chiêu Minh đại vương, cũng là lúc quân Mông vào xâm lược nước ta. Năm 1261, ông được phong làm Thái úy, sau đó vào quản đất Nghệ An. Năm 1278 vua Thánh Tông nhường ngôi cho con là Nhân Tông. Hoàng đế Mông Cổ lấy cớ không xin mệnh sai sứ sang trách cứ. Trần Quang Khải vâng lệnh vua tiếp sứ vừa mền mỏng trong đàm phán, vừa kiên quyết trong bảo vệ chủ quyền đất nước nhưng chiến tranh vẫn nổ ra, ông chỉ huy nhiều trận đánh, nổi tiếng nhất là trận tập kích lớn ở bến Chương Dương trên sông Hồng (1285) tiêu diệt căn cứ quan trọng của địch, mở đường giải phóng Thăng Long.  Sáu tháng sau khi rút khỏi kinh thành, nay vua quan nhà Trần tưng bừng trở lại, ông đã làm bài thơ “Tụng giá hoàn kinh sư” còn truyền đến nay. Ông là nhà ngoại giao tài ba, vị tướng lỗi lạc và còn là một nhà thơ, tác giả của Lạc Đạo thi tập.    **7. Chu Văn An**  Tên thật là Chu An, hiệu là Tiều Ẩn, người thôn Văn, xã Quang Liệt (nay là Thanh Liệt, Thanh Trì), sau được nhà Trần phong tước Văn Trinh Công nên người đời sau quen gọi là Chu Văn An.Chu Văn An tính tình cương trực, đã từng đỗ Thái học sinh nhưng không ra làm quan mà mở trường dạy học ở làng Huỳnh Công, bên kia sông Tô. Ông nổi tiếng là nhà giáo tài cao đức trọng nên được trò tứ trấn tìm về xin theo học rất đông. Học trò của ông nhiều người thành đạt giữ những chức cao trong triều, nhưng vẫn một lòng kính thầy.  Vua Trần Minh Tông (1314-1329) vời ông ra làm tư nghiệp Quốc Tử Giám. Đến đời Dụ Tông, ông thấy cảnh quyền thần làm nhiều điều vô đạo, ông dâng sớ xin chém 7 tên gian nịnh, nhưng vua không nghe. Ông chán nản từ quan về ở núi Phượng Hoàng (thuộc Chí Linh, Hải Dương) dạy học, viết sách cho tới khi mất. Cuộc đời thanh bạch và tiết tháo của ông là tấm gương sáng của thời phong kiến. Ông là một trong số rất ít bậc hiền nho được thờ ở Văn Miếu.    **8. Nguyễn Trãi (1380 – 1442)**   Nguyễn Trãi quê gốc ở Ci Ngại, Phượng Sơn (Chí Linh, Hải Dương), sau về ngụ cư ở Nhị Khê (Thường Tín, Hà Tây). Ông là con Nguyễn Phi Khanh, nhà văn thời Trần Hồ. Ông sinh ra ở Thăng Long trong dinh ngoại là quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Thời trẻ ông đã nổi tiếng về văn học. Năm 20 tuổi ông đỗ Thái học sinh và được cử làm Ngự sử đài Chánh chưởng thời nhà Hồ. Năm 1406, quân Minh xâm lược nước ta, nhà Hồ chống lại nhưng thất bại. Cha ông bị giặc bắt giải về Tàu, ông theo đến ải Nam Quan, nghe lời cha ông quay lại nuôi chí phục thù. Về đến Đông quan, Trương Phụ bắt ông, dụ ra làm quan không được toan giết, sau tha nhưng giam lỏng ở trong thành, khoảng 10 năm. Sau đó, Nguyễn Trãi tìm đường vào Lam Sơn theo Lê Lợi, ông dâng “sách bình Ngô” và là 1 trong 18 người dự Hội thề Lũng Nhai (1416), bộ tham mưu của nghĩa quân. Ông trở thành nhà chiến lược, nhà ngoại giao lỗi lạc, có công lớn trong chiến dịch Chi Lăng – Xương Giang và vây hãm thành Đông Quan, buộc quân Minh phải hàng phục, xin rút quân về nước. Năm 1428, đất nước giải phóng, ông viết Bình Ngô đại cáo-một áng văn thiên cổ hùng tráng, trịnh trọng tuyên ngôn độc lập cho đất nước. Ông được ban họ vua, được phong chức Quan Phục hầu nhập nội hành khiển. Trước tác của ông rất đồ sộ: Ức Trai thi tập, Quân trung từ mệnh tập, Dư địa chí, Băng Hồ di sự lục, Lam Sơn thực lực, Quốc Âm thi tập…  Khi triều đình bị lũng đoạn, ông từ quan về ở ẩn tại Côn Sơn, rồi bị vu oan và chịu tru di tam tộc bởi vụ án Lệ Chi Viên với cái chết đột ngột của ông vua trẻ mà lại có mặt bà vợ lẽ ông là Nguyễn Thị Lộ. Ông là vị anh hùng dân tộc, nhà văn hóa, nhà nhân đạo chủ nghĩa của nước ta và là danh nhân văn hóa thế giới.    **9. Nguyễn Như Đổ (1424-1526)**   Ông là người làng Đại Lan (xã Duyên Hà, Thanh Trì), có tên chữ là Mạnh An, hiệu Khiêm Trai. Năm 19 tuổi, ông đã đỗ đầu khoa thi hội đầu tiên của triều Lê (1442). Ông làm ở Viện Hàn lâm, nhiều lần đi sứ sang triều Minh, làm An Phủ sứ bộ Quy Hóa rồi được thăng chức Thượng thư bộ Lại, Thượng thư bộ Lễ, Thưa chỉ học sĩ Viện Hàn lâm vào giai đoạn hưng thịnh nhất thời Hồng Đức nhà Lê.  Kỳ thi đình năm Quý Mùi (1463) đông tới 4000 sĩ tử, ông được cử độc quyền và lấy đỗ trạng nguyên Lương Thế Vinh.  Năm 1486, ông giữ Tế tử Quốc Tử Giám, hiệu trưởng trường đại học quốc gia này suốt 10 năm. Nhà sử học Phan Huy Chú đã xếp ông là 1 trong 18 phò tá có công lao và tài đức nhất thời Lê. Ông xứng đáng là bậc khoa danh đại thụ, trải qua 8 triều vua, thọ 102 tuổi, cũng là điều hiếm có. Ông còn một số bài thơ chép trong Hoàng Việt thi tuyển. Tên ông khắc trên tấm bia đá đầu tiên dựng tại Văn Miếu (1484) và trong danh sách các bậc Tế tử Quốc Tử Giám ông ở hàng thứ 2 sau Chu Văn An.    **10. Lê Thánh Tông (1442-1497)**   Tên húy là Tư Thành, con trai thứ tư của vua Lê Thái Tông và bà Ngô Thị Ngọc Dao. Ông sinh ra ở chùa  Huy Văn (ngõ Văn Chương, Đống Đa) khi mẹ ông đi lánh nạn. Sau ông được đón về đưa lên ngôi năm 18 tuổi (1460) với hai niên hiệu Quang Thuận và Hồng Đức, mang tinh thần nhân đạo, tiến bộ hơn hết các bộ luật trước đó. Ông định ra các quy chế về tuyển chọn, đề bạt quan chức, chế độ bổng lộc và hưu trí. Ông lo khuyến nông, lập các sở đồn điền khai hoang, đắp đê biển, mở rộng lãnh thổ, chia nước ra làm 13 đạo, vẽ bản đồ cả nước, phát triển giáo dục, mở nhiều khoa thi lấy nhân tài. Số tiến sĩ triều Lê Thánh Tông chiếm gần 1/4 tổng số tiến sĩ trong cả thời phong kiến.  Về văn học, ông là nhà thơ, nguyên soái của Hội Tao Đàn với 28 ngôi sao thơ văn nổi tiếng thời đó. Nhiều thơ nôm của ông còn được truyền tụng đến ngày nay. Ông cũng là người đặt lệ dựng bia tiến sĩ ở Văn Miếu và giao Ngô Sĩ Liên biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Thời Hồng Đức đi vào lịch sử với những trang đẹp mà người thiết kế là Lê Thánh Tông – một nhà cải cách lớn. Lăng mộ của ông hiện còn ở Lam Sơn.    **11. Ngô Chi Lan (thế kỷ 15)**   Bà có tên là Nguyễn Hạ Huệ, người làng Phủ Lỗ, huyện Kim Anh (nay là huyện Sóc Sơn), có truyền thuyết nói bà mang họ Nguyễn vì là con nuôi Nguyễn Thị Lộ. Chưa rõ năm sinh, năm mất của bà, chỉ biết bà sống chủ yếu dưới thời Lê Thánh Tông (1460-1497), nổi tiếng về thi ca, từ khúc.  Bà lấy ông Phù Thúc Hoành, người Phù Xá làng bên, ông giảng Kinh Dịch ở Quốc Tử Giám và làm ở Viện Hàn lâm tới chức Đông các đại học sĩ.  Vợ chồng ông giao du với nhiều bạn thơ như Thái Thuận, Nguyễn Dữ…và thường tổ chức những buổi gặp gỡ bình luận văn chương.  Vua Lê Thánh Tông rất mến phục bà, thường triệu bà vào hầu thơ, dự các cuộc xướng họa ở cung đình và phong chức Phù Gia nữ học sĩ, giao bà đảm đương dạy đạo đức, nghi lễ cho cung phi. Bà có tập thơ Mai Trang nhưng bị thất truyền, chỉ còn ít bài in trong Truyền kỳ mạn lục, Lĩnh Nam chích quái, Trích diễm thi tập. Bài thơ được nhớ đến nhiều nhất là bài Đề núi Vệ Linh. Thơ của bà mang bản sắc riêng, không khuôn sáo, gò ép, có cái nhìn nhân ái trước cuộc đời và con người. Có thể coi bà là nhà thơ nữ đầu tiên có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của thơ ca Việt Nam.    **12. Bùi Xương Trạch (1451-1529)**   Ông sinh tại làng Giáp Nhị (xã Thịnh Liệt, Thanh Trì). Tổ tiên ông vốn là người làng Định Công bên cạnh, đến đời cha ông mới chuyển sang đây.  Ông là con một gia đình nông dân hiếu học, thời trẻ khi đi làm đồng ông cũng mang sách theo, nhà nghèo đêm ông bắt đom đóm cho vào chai để thay đèn, mệt quá, ông nằm nghỉ trên hai cái chày để đau mình sớm tỉnh lại. Năm 27 tuổi ông thi đỗ tiến sĩ, khoa ấy lấy đỗ 62 người chỉ có mình ông người Thanh Đàm. Ông làm hiệu thư, sau được bổ vào Viện Hàn lâm, khoa Đông Các rồi sau được thăng Đông các đại học sĩ. Thiên đô ngự sử, Thượng thư bộ Binh chưởng lục bộ, Hiệu trưởng Quốc Tử Giám. Ông còn được phong tước Quảng Văn Hầu vì đã viết rất hay bài ký Đình Quảng Văn Hầu Ông là vị quan thanh liêm, không mảy may mưu tính việc riêng tư, bổng lộc triều đình ông đem chia cho họ hàng, làng xóm. Lòng nhân hậu và đức độ của ông được người đời ca tụng. Dòng họ Bùi của ông qua 7 thế hệ, hơn 200 năm không đời nào không có người làm nên sự nghiệp cả về văn lẫn võ.  **13. Đặng Trần Côn (Thế kỷ 18)**   Ông là người làng Mọc, Hạ Đình (xã Khương Đình, Thanh Trì)và là tác giả cuốn Trinh Phụ Ngâm bằng chữ Hán. Chỉ biết ông sống vào nửa đầu thế kỷ 18. Thuở nhỏ ông rất ham học, thi đậu hương cống khoảng năm 1726. Ông là người ưa phóng túng, chẳng màng danh vọng nên không thi tiếp, đi nhận chức Huấn đạo trường phủ, làm tri huyện Thanh Oai rồi đến chức Ngự sử đài chiếu khán. Ông nổi tiếng danh sĩ, được xếp hạng đầu “tứ hổ” của huyện Thanh Trì là Côn, Hiến, Điền, Đẩu (Đặng Trần Côn, Nguyễn Hiến, Hồng Điền, Trương Đẩu.. )Thời Cảnh Hưng có việc đao binh, nhiều người phải ra trận để lại nhà người vợ trẻ trông ngóng, ông xúc cảm viết nên khúc ngâm bi tráng này nhằm chia sẽ với những người phụ nữ và tố cáo cuộc chiến tranh phi nghĩa. Thơ ông giàu cảm xúc, gây tác động mạnh đến người đọc. Chinh Phụ Ngâm bản Hán văn của ông viết theo lối “tập cổ”, nhưng đã được phổ biến rất rộng nhờ bản dịch tài hoa của bà Đoàn Thị Điểm, sống cùng thời với ông. Mộ ông nay còn ở đồng Từ Vũ, thôn Hạ Đình.    **14. Nguyễn Du**   Ông là con Nguyễn Nghiễm, em Nguyễn Khản, đều làm quan thời Lê Trịnh. Quê gốc của ông ở Tiên Điền (Nghi Xuân, Hà Tĩnh) nhưng ông sinh ở phường Bích Câu và lập nghiệp ở Thăng Long. Cha mẹ mất sớm, ông ở với anh trai. Năm 20 tuổi ông đậu tam trường (tú tài) và ra làm quan thời nhà Lê. Khi có biến động giữa Lê - Trịnh và Tây Sơn, gia đình ông tan tác, ông trải qua hàng chục năm gió bụi phong trần nên đã gửi niềm tâm sự vào tập thơ Thanh Hiên. Năm 1790, nhà Tây Sơn mời nhân sĩ Bắc Hà ra giúp nước, ông giữ chức Tạ thị lang bộ Lại, tước Hải Phái hầu, được cử sang sứ Trung Quốc. Ông vẫn có ý phò Lê nên lui về quê vợ ở Thái Bình, sau lại về Hà Tĩnh, rồi năm 1815 ra làm Tham tri cho nhà Nguyễn. Thời kỳ này ông tìm đến với đạo phật, đạo Lão, lấy thú đọc sách, ngâm thơ, uống rượu, đi hát phường vải, đi săn làm khuây. Ông lấy bút danh là Tố Như, Thanh Hiên. Tính hào hoa phong nhã lại đa tình, ông được nhiều cô gái để ý. Ông có 4 vợ và 20 con, trong đó có Nguyễn Huy Hổ, tác giả truyện thơ nôm Mai Đình mộng ký. Ông có nhiều bài thơ tâm đắc viết về Thăng Long và để lại cho đời nhiều tác phẩm giá trị như Thanh Hiên tiền hậu tập, Bắc hành tạp lục, Văn chiêu hồn và một kiệt tác trong gia tài văn học đất nước ta là Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh). Ông mất tại quê nhà, nay còn phần mộ và nhà thờ ông.    **15. Phạm Đình Hổ (1768-1839)**  Quê ông ở làng nhuộm Đan Loan (Hải Hưng) nhưng lên 6 tuổi ông  đã ở phường Hà Khẩu (Hàng Buồm), ông trưởng thành và lập nghiệp ở kinh thành. Người đời quen gọi ông là Chiêu Hổ, “chiêu” là tiếng gọi con nhà quan và là nho sinh Chiêu Văn quán. Cha ông làm tuần phủ Sơn Tây  nhưng mất sớm nên lớn lên ông mới vào học ở Quốc Tử Giám và đỗ tú tài. Ông được chứng kiến trận chiến thắng Đống Đa lịch sử lúc 21 tuổi. Là con quan nhà Lê, ông về ở ẩn, dạy học ở Nguyệt Áng, Cung Hoàng (Thanh Trì). Năm 1821, Minh Mệnh ra bắc tuần, ông dâng sách, vua thấy ông học rộng cho làm hành tẩu nhị giảng học sĩ Viện Hàn lâm, được ít lâu ông từ chức về quê dạy học và quan tâm đến các mặt lịch sử, địa lý, phong tục tập quán, tình hình xã hội để viết sách. Về lịch sử, địa lý có An Nam Chí, Ai Lao sứ trình, Kiền không nhất lãm gồm bản đồ cả nước. Văn thơ có Vũ trung tùy bút, Tang thương ngẫu lục (chung với Nguyễn Án) và 2 tập thơ khác. Vũ trung tùy bút phản ánh tình hình xã hội và sinh hoạt ở Thăng Long thời ấy rất sinh động, là tư liệu quý dể tìm hiểu lịch sử, địa lý kinh thành. Ông là nhà văn sống và gắn bó với 36 phố phường cả đời mình.  **16. Lý Văn Phức (1785-1894)**  Ông sinh ở làng Hồ Khẩu, một làng giấy bên Hồ Tây, tự là Lân Chi, hiệu Khắc Trai, đỗ cử nhân năm 1819, ông được bổ làm Hàn Lâm biên tu trong Quốc sử quán, Thiêm sự bộ Lễ, Hiệp lý Quảng Nam trấn vụ rồi làm Hữ thị lang bộ Hộ, thự hữu tham tri. Sau ông bị tước chức, đi hiệu lực ở Tiểu Tây Dương và Tân Gia Ba; được khôi phục và đi công cán nhiều lần ở nước ngoài với chức Tham tri bộ Công, kiêm quản chiếc thuyền lớn Phấn Bằng, coi sự vụ thủy sư ở kinh kỳ. Vì không khéo trong vụ tàu Tây Dương đến Đà Nẵng ông lại bị phát vãng, cuối đời mới khôi phục đến chức Quang Lộc tự khanh. Ông viết thơ văn bằng chữ Hán có những nét mới mẻ, độc đáo, trong sáng. Ông viết về chuyến đi như: Tây hành kiến văn kỷ lược, Mân hành tạp vịnh, Chu Nguyên tạp vịnh, Sứ trình tiện lãm khúc. Nhiều truyện nôm của ông được truyền tụng rộng như Nhị thập tứ hiếu, Bất phong lưu truyện. Ông viết cả sách sơ học thiên tự văn diễn âm.    **17. Ngô Thì Nhậm (1746-1803)**  Ông là người làng Tả Thanh Oai (Thanh Trì) trong dòng họ Ngô Thì nổi tiếng có nhiều người thành danh trên mọi lĩnh vực và hình thành cả một văn phái của họ Ngô. Năm 29 tuổi ông đỗ tiến sĩ, ra làm quan và được thăng chức Công Bộ thị lang nhà hậu Lê. Bị phe Chúa Trịnh khủng bố, ông phải tránh về vùng Sơn Nam sáu năm. Khi Quang Trung ra Bắc, ông được tiến cử phụ tá cho Ngô Văn Sở giữ thành Thăng Long.  Năm 1788, quân Thanh sang xâm lược nước ta, ông chủ trương rút quân về Tam Điệp để bảo toàn lực lượng chờ đại quân của Tây Sơn. Nước cờ này đã góp phần cho Quang Trung làm cuộc hành quân thần tốc ra Bắc đại thắng quân Thanh trong trận Ngọc Hồi-Đống Đa lịch sử. Sau đó, ông phụ trách ngoại giao với triều Thanh và sang sứ báo tang vua Quang Trung. Nhà Tây Sơn mất, ông bị triều Nguyễn bắt giam đánh đòn ở sân Văn Miếu, về nhà mấy hôm thì mất.  Ông là nhà văn hóa lớn của nước ta để lại khá nhiều tác phẩm văn thơ, lịch sử, ngoại giao, triết học. Dòng họ Ngô Thì của ông đóng góp cho đất nước khá nhiều nhân tài như Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du, Ngô Thì Hương, Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Ức…    **18. Hồ Xuân Hương (cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19)**   Bà sinh ra ở phường Khán Xuân (Bách Thảo), quê gốc ở Quỳnh Lưu xứ Nghệ nhưng lớn lên trên đất kinh thành. Cuộc đời bà có nhiều bí ẩn, chỉ biết bà sống vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Hồ Xuân Hương là một tài năng đầy bản lĩnh. Xuất thân trong gia đình nhà nho, bà lại phản kháng và hạ bệ tất cả những gì nó đề cao. Ở bà có cả hai đòn đánh bằng thơ: đòn đánh ngấm ngầm thâm nho và nhát đập chết tươi của bình dân. Thơ nôm của bà được nhân dân trân trọng bảo tồn còn phái nhà nho thì hết lời miệt thị vì thơ bà là tiếng nói đòi tồn tại, đòi nhan quyền, tranh đấu cho quyền sống và giá trị của người phụ nữ. Tương truyền bà có tới ba đời chồng, số phận hẩm hiu để lại niềm cay đắng trong thơ bà. Nghệ thuật thơ Xuân Hương phập phồng hơi thở ca dao tục ngữ dân gian, được nâng lên tầm cao cách tân táo bạo. Thiên nhiên trong thơ bà ngồn ngộn sức sống, bà dựng Cổ Nguyệt Đường bên hồ Tây làm nơi gặp gỡ bạn thơ. Ngoài thơ nôm, bà còn viết thơ chữ Hán trong Lưu hướng Ký. Các văn tài đương thời như Tốn Phong Thị, Sơn phủ, Chí Hiên và Nguyễn Du thường lui tới nhà bà. Nhà thơ Xuân Diệu đã gọi bà là “Bà chúa thơ Nôm”.    **19. Nguyễn Văn Siêu (1799 – 1872)**   Ông sinh ra tại làng Kim Lũ (xã Đại Kim, Thanh Trì),  là một danh sĩ Bắc Hà được người đời tôn sùng là “Thần Siêu”. Từ nhỏ ông đã ra ở thôn Cổ Lương, tổng Đồng Xuân, chỗ cửa sông Tô. Ông là học trò thày Hoa Đường Phạm Quý Thíc. Ông đỗ phó bảng năm 1838 và ra làm quan thời nhà Nguyễn qua nhiều tỉnh, lúc là phó sứ sang nhà Thanh, khi làm Án sát Hà Tĩnh, Hưng Yên. Lúc 55 tuổi, ông thác bệnh xin về hưu, viết sách và mở trường Phương Đình ở nhà dạy học, học trò rất đông. Ông là bạn thân của Cao Bá Quát. Ông học rộng biết nhiều và là người thày có tiếng trong vùng. Thơ văn ông thấm đượm tình yêu quê hương, tự hào về đất nước, quan tâm đến đời sống dân chúng, nhiều bài thơ ông tả thiên nhiên Hà Nội rất tinh tế.    **20. Cao Bá Quát (1808-1855)**   Ông là người làng Phú Thị (Gia Lâm) và là em sinh đôi với Cao Bá Đạt. Năm 23 tuổi ông đậu cử nhân. Năm 33 tuổi, ông vào kinh làm Hành tẩu bộ lễ. Khi được cử làm sơ khảo trường thi Thừa Thiên, thấy một số bài hay lại phạm húy, ông thương tình chữa hộ thế là mang vạ, bị cách chức và đi hiệu lực ở In-đô-nê-xi-a để chuộc tội. Lúc trở về ông vào làm ở Viện Hàn lâm. Ông là bạn thơ của nhiều danh sĩ đương thời như Miên Thẩm, Nguyễn Văn Siêu, Nguyễn Hàm Ninh… Sau đó vì chán cảnh bon chen nơi cung đình, ông lui về làm giáo thụ ở Quốc Oai (Hà Tây). Cũng vì căm ghét chế độ hà khắc của nhà Nguyễn nên năm 1852, nhân lúc mất mùa vì nạn châu chấu, ông mượn cớ phù Lê, khởi nghĩa ở Mỹ Lương (Chương Mỹ, Hà Tây) nhưng chỉ vài tháng sau đã bị dập tắt. Cao Bá Quát hy sinh tại trận, họ hàng ông bị tội tru di.  Ông là nhà thơ nổi tiếng, được tôn là “thánh Quát”. Thơ ông biểu hiện lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, ca ngợi lẽ sống cao thượng.  Ông có tên tự là Chu Thần, hiệu Cúc Đường. Ông sáng tác rất nhiều thơ cả bằng chữ Hán và chữ Nôm nhưng do gặp nạn, bản thảo mất mát chỉ còn nhặt nhạnh được khoảng 1000 bài tập hợp trong Cao Bá Quát thi tập, Cao Chu Thần đi cảo, Mẫn Hiên thi tập. Tứ  thơ ông bay bổng, khoáng đạt, nói cái chí lớn làm người với bút pháp đặc sắc.    **21. Bà Huyện Thanh Quan (thế kỷ 19)**   Tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người làng hoa Nghi Tàm trên bán đảo Hồ Tây. Chưa rõ năm sinh, năm mất. Bà nổi tiếng là nhà thơ trữ tình đầu thế kỷ 19. Bà lấy chồng là  Lưu Nguyên Ôn (còn gọi là Lưu Nghi) người Nguyệt Áng (Thanh Trì) đổ cử nhân năm 1828, làm tri huyện Thanh Quan (Thái Thụy, Thái Bình) nên bà được gọi là Bà Huyện Thanh Quan.  Bà có làm thơ chữ Hán, đặc biệt thơ nôm của bà được nhiều người biết đến như bài:Qua đèo Ngang, Thăng Long thành hoài cổ, Hành cung Trấn Bắc. Bằng lời thơ trang nhã, thanh lịch có lúc u hoài, có khi chua chát, nhưng đều cẩn trọng, tinh tế. Có giai thoại cho rằng bà đã thay chồng phê đơn cho cô Đào đi lấy chồng bằng 4 câu lục bát, vì vậy mà ông huyện bị cách chức. Triều Nguyễn vời bà vào Phú Xuân làm nữ quan dạy cung nữ. Ở đây bà có dịp giúp dân làng xin vua xóa bỏ lệ tiến sâm cầm Hồ Tây, tránh cho quê hương khỏi bị nha lại sách nhiễu.  **22. Vũ Tông Phan**  Tiến sĩ Vũ Tông Phan (1800-1851) tự Hoán Phủ, hiệu Đường Xuyên, Lỗ Am không chỉ là một danh nhân văn hóa, mà còn là nhà giáo tiêu biểu của Thăng Long - Hà Nội.  Thuở nhỏ, Vũ Tông Phan theo cha dạy học ở các làng ven Thăng Long và xứ Đoài, cho đến khi đỗ Tú Tài mới theo học cậu ruột là Tiến sĩ Phạm Quý Thích ở Thăng Long. Với học vấn uyên thâm, năm 1825, Vũ Tông Phan đỗ Tiến sĩ. Tương truyền, đám rước vinh quy bái tổ của quan nghè Phan có đến 7 cờ biển vua ban. Cùng với Thần Siêu, Thánh Quát, Vũ Tông Phan là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thi đàn Thăng Long cuối thế kỷ 19.   Tiến sĩ Vũ Tông Phan đã từng kinh qua các chức vụ: Tri phủ Bình Hòa (Khánh Hòa), Lang trung Bộ Binh (chức quan Tứ phẩm), Tham hiệp Tuyên Quang, Tham hiệp Thái Nguyên, Giáo thụ phủ Thuận An (Bắc Ninh)… Tuy nhiên, sau 7 năm làm quan và cảm thấy không hợp với quan trường, Vũ Tông Phan cáo quan về nhà ở thôn Tự Tháp, ven phía Tây Hồ Gươm, dựng nên ngôi nhà 5 gian trên mảnh đất vua ban mở trường dạy học lấy tên là Hồ Đình. Và chỉ sau 2 năm, ngôi trường Hồ Đình của ông đã có 2 môn sinh đỗ Cử nhân.  Sau hơn 10 dạy học, năm 1849 ông giao trường Hồ Đình cho con trai cả, lui về sống ở Giang Đình thục, thôn Kim Giang, tổng Đông Lỗ, huyện Sơn Minh, nay thuộc huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Tại đây ông có thời gian biên tập và sáng tác thơ văn. Có thể kể đến “Tô Khê tùy bút tập” bao gồm những bài thơ đầu tay ông sáng tác trước khi đỗ Cử nhân năm 1825. Ngoài ra, ông cũng tập hợp những bài thơ ông viết sau thời gian này nhưng chưa kịp xuất bản thì đột ngột qua đời năm 1851 |

***Hoạt động 3: Luyện tập 10p***

**Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**- Hãy thuyết minh về những con phố mang tên các danh nhân Hà Nội từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX.**

**Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận thành 6 nhóm.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận

***Hoạt động 4: Vận dụng 3p***

**Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**- Thông qua việc tìm hiểu những danh nhân văn hóa trên, em đã học tập được những gì ở họ ? Từ đó liên hệ với trách nhiệm của thế hệ trẻ thủ đô trong việc giữ gìn những truyền thống của Thủ đô**

**Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân

**Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận

***\* Hướng dẫn học bài ở nhà : (2’)***

- GV chốt toàn bài

- Chuẩn bị nội dung: Các biểu hiện của truyền thống hiếu học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn: 20/9/2023**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 6. CHỦ ĐỀ 2. CÁC DANH NHÂN VĂN HÓA HÀ NỘI**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC**

*1. Kiến thức*:

- Nhận biết và kể tên được một số danh nhân tiêu biểu của thủ đô Hà Nội từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

- Trình bày được một số hoạt động tưởng nhớ của người dân thủ đô đối với các danh nhân.

*2. Năng lực*

- Bồi dưỡng kĩ năng, việc làm để phát huy truyền thống hiếu học, yêu nước, tự hào về lịch sử dân tộc

*3. Phẩm chất:*

- Có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy truyền thống hiếu học của người dân thủ đô

II. CHUẨN BỊ

**1. Giáo viên**

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển năng lực.

- Một số tranh ảnh được phóng to, một số mẩu chuyện tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

- Máy tính,, giáo án PP

**2. Học sinh**:

- SGK.

*-* Tranhảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụhọc tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY**

**1. Ổn định tổ chức 1p**

**2. Bài mới**

**A. Hoạt động mở đầu: (4’)**

**a. Mục tiêu:**  giới thiệu về các danh nhân Hà Nội thông qua video

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn HS theo dõi các hình ảnh để trả lời câu hỏi:

đây là danh nhân nào nào?

**c. Tổ chức hoạt động:**

- Bước 1: Giao nhiệm vụ: Xem các hình ảnh và đoán tên các danh nhân

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS xem các hình ảnh và đoán tên danh nhân

+ GV có thể hỗ trợ gợi ý (nếu cần)

-Bước 3: Báo cáo thảo luận:

+ HS phân tích / trả lời câu hỏi

+ GV có thể đưa câu hỏi bổ sung

Bước 4: Đánh giá

GV nhận xét, chính xác hóa kiến thức

**IV. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (2’)**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được năm sinh, quê hương, công lao của các danh nhân văn hóa Hà Nội

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS sử dụng đố dùng trực quan, tư liệu lịch sử trả lời câu hỏi:

**c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của nhóm HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **? Em hãy kể tên m**ột số danh nhân tiêu biểu của thủ đô Hà Nội từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIX.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS căn cứ vào môn lịch sử thảo luận để tìm ra các danh nhân tiêu biểu  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Học sinh trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Giáo viên quan sát, nhận xét hoạt động học của học sinh  GV chốt ý và cung cấp cụ thể các danh nhân qua các thời kì lịch sử | **I. MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HÓA CỦA HÀ NỘI THẾ KỈ XIX-XX**  **1. Lương Văn Can** ([1854](http://vi.wikipedia.org/wiki/1854) – [1927](http://vi.wikipedia.org/wiki/1927))  - là một nhà cách mạng [Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam), và là một trong số người sáng lập ra trường [Đông Kinh Nghĩa Thục](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_Kinh_Ngh%C4%A9a_Th%E1%BB%A5c) năm [1907](http://vi.wikipedia.org/wiki/1907).  - Quê quán: làng [Nhị Khê](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BB%8B_Kh%C3%AA), huyện Thường Tín, tỉnh [Hà Đông](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_%C4%90%C3%B4ng) (nay là xã Nhị Khê, huyện [Thường Tín](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%9Dng_T%C3%ADn), [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)).  - Xuất thân: con nhà nghèo, nên hồi còn trẻ, có lần ông phải đi làm thợ sơn trong vài tháng[[3]](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C6%B0%C6%A1ng_V%C4%83n_Can" \l "cite_note-QH-2). - Cuộc đời: Sau khi học [chữ Hán](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n) tại Hà Nội (ngày nay là nhà số 7 phố Trường Thi)[[4]](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C6%B0%C6%A1ng_V%C4%83n_Can" \l "cite_note-HNM-3), năm [1871](http://vi.wikipedia.org/wiki/1871) đời [Tự Đức](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B1_%C4%90%E1%BB%A9c), 17 tuồi, ông dự [thi Hương](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi_H%C6%B0%C6%A1ng), nhưng chỉ vào tới tam trường.  Năm [Quý Dậu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%BD_D%E1%BA%ADu) ([1873](http://vi.wikipedia.org/wiki/1873)), quân Pháp đánh thành [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i) (lần thứ nhất). Sau khi nghị hòa với họ, năm [Giáp Tuất](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1p_Tu%E1%BA%A5t), ([1874](http://vi.wikipedia.org/wiki/1874)), triều đình [Huế](http://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF) lại tổ chức thi Hương tại đây, và ông đã đỗ [Cử nhân](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0%C6%A1ng_c%E1%BB%91ng) khoa này (nên khi tuổi cao, ông thường được gọi là **cụ Cử Can**).  Năm sau [thi Hội](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi_H%E1%BB%99i), ông không đỗ (chỉ vào được một hai kỳ), được triều đình bổ làm Giáo thụ Phủ Hoài (tức [Hoài Đức](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0i_%C4%90%E1%BB%A9c)), nhưng ông từ chối. Sau chính phủ [Pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%B1c_d%C3%A2n_Ph%C3%A1p) cử ông vào Hội đồng thành phố Hà Nội, nhưng ông cũng không nhận  Năm 25 tuổi ([1879](http://vi.wikipedia.org/wiki/1879)), ông mở trường dạy học tại nơi ở (nhà số 4 phố [Hàng Đào](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0ng_%C4%90%C3%A0o), [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)).  3/1907: cùng với các sĩ phu yêu nước thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục  Ngày [26 tháng 4](http://vi.wikipedia.org/wiki/26_th%C3%A1ng_4) năm [1913](http://vi.wikipedia.org/wiki/1913), xảy ra vụ đánh bom khách sạn Hà Nội của [Việt Nam Quang phục Hội](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_Quang_ph%E1%BB%A5c_H%E1%BB%99i). Cho là nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục có liên quan, nên thực dân Pháp đã bắt Lương Văn Can giam ở nhà pha [Hỏa Lò](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%8Fa_L%C3%B2) (Hà Nội).  Hơn 8 năm sau, Lương Văn Can được giảm án, trở về Hà Nội ngày [25 tháng 11](http://vi.wikipedia.org/wiki/25_th%C3%A1ng_11) năm [1921](http://vi.wikipedia.org/wiki/1921). Về nhà, thấy “nghĩa đảng tan lạc hết (nên) chỉ nghĩ chỉ đến việc làm sách”[[11]](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C6%B0%C6%A1ng_V%C4%83n_Can" \l "cite_note-10). Tuy nhiên, sau đó ông lại tiếp tục mở trường Ôn Như, tức vừa dạy học vừa soạn sách[[12]](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C6%B0%C6%A1ng_V%C4%83n_Can" \l "cite_note-11).  Ngày [13 tháng 6](http://vi.wikipedia.org/wiki/13_th%C3%A1ng_6) năm [1927](http://vi.wikipedia.org/wiki/1927) (Đinh Mão), ông qua đời tại [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i), thọ 73 tuổi. Trước khi mất, ông dặn các con cháu: “Bảo quốc túy, tuyết quốc sĩ”  **2. Ngô Tất Tố**  **Ngô Tất Tố** (1893[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4_T%E1%BA%A5t_T%E1%BB%91" \l "cite_note-1) – [20 tháng 4](https://vi.wikipedia.org/wiki/20_th%C3%A1ng_4" \o "20 tháng 4) năm [1954](https://vi.wikipedia.org/wiki/1954" \o "1954)) là một [nhà văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n" \o "Nhà văn), nhà báo, [nhà Nho](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nho_gi%C3%A1o" \o "Nho giáo) học, dịch giả và nhà nghiên cứu có ảnh hưởng lớn ở Việt Nam giai đoạn trước 1954.  - Quê quán: làng Lộc Hà, tổng Hội phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh. Ngay từ khi còn nhỏ, Ngô Tất Tố đã được thụ hưởng một nền giáo dục Nho học.  - Tác phẩm tiêu biểu  Tắt đèn, Lều chõng, Thơ và tình, Địa dư Việt Nam, Kinh dịch, Suối thép, Trước lửa chiến đấu, Lão Tử, Đường thi, Đề Thám, Trời hửng, Duyên máu, Việc làng, Địa dư các nước Châu Âu,Văn học đời Lý và văn học đời Trần,…  - Vinh danh  Ngô Tất Tố được nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn hóa nghệ thuật đợt 1 năm 1996.  **3. Nguyễn Đình Thi**  Ông sinh ngày 20/12/1924 tại Lào. Quê gốc của ông ở Vũ Thạch, Hà Nội. Ngày nhỏ ông sống tại Lào. Năm 1931 theo gia đình về nước. Tham gia hoạt động cách mạng từ 1941. Năm 1943 tham gia Hội Văn hóa Cứu Quốc, tham dự Quốc dân Đại hội Tân Trào và được cử vào uỷ ban Giải phóng dân tộc Việt Nam. Sau cách mạng Tháng Tám (1945), làm Tổng thư kí Hội văn hóa cứu quốc, uỷ viên Ban chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam (từ năm 1948). Tổng thư kí Hội Văn nghệ (1956-1958), Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam các khoá I, II, III.  Các tác phẩm chính của ông có thể kể đến:  Các tác phẩm truyện, văn xuôi: Xung kích (1951), Thu đông năm nay (1954), Cái Tết của mèo con (truyện thiếu nhi, 1961), Vỡ bờ (tập I năm 1962, tập II năm 1970), Bên bờ sông Lô (tập truyện ngắn, 1957), Vào lửa (1966), Mặt trận trên cao (1967), Trên sóng thời gian (tập bút ký, 1996), Tuyết (tập truyện ngắn, 2003)  Các tác phẩm thơ: Người chiến sĩ (1958), Bài thơ Hắc Hải (1958), Dòng sông trong xanh (1974), Tia nắng (1985), Trong cát bụi (1992), Sóng reo (2001), Việt Nam quê hương ta.  Bài thơ “Đất nước” (1948 – 1955) đã được nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc phổ thành bản Giao Hưởng – Hợp xướng cùng tên “Đất nước” Biểu diễn lần đầu tiên tại Nhà hát lớn Hà nội ngày 1 tháng 9/2009, Do chính Đặng Hữu Phúc chỉ huy Dàn nhạc – Hợp xướng Nhà hát Nhạc vũ kịch  **4. [Nguyễn Tuân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Tu%C3%A2n" \t "_blank" \o "Nguy E1 BB 85n Tu C3 A2n)** (1910 – 1987)  - ông sinh ra và lớn lên tại thành phố Hà Nội. Là một nhà văn nổi tiếng ở Việt Nam, sở trường của ông là thể loại tùy bút và ký, ông nổi tiếng là bậc thầy trong việc sử dụng và sáng tạo tiếng Việt.  Nguyễn Tuân trưởng thành trong một nhà Nho khi Hán học đã suy tàn. Cha của ông tên Nguyễn An Lan – một nhà nho tài hoa và yêu nước sống dưới chế độ thực dân phong kiến. Ngay từ lúc nhỏ Nguyễn Tuân đã chịu ảnh hưởng rất nhiều từ cha của mình. Thời niên thiếu cuộc sống gia đình của Nguyễn Tuân rất vất vả thế nên ông phải di cư đi nhiều tỉnh khác nhau và nơi ông sống lâu nhất là Thanh Hóa.  Sinh ra trong thời kì nước mất nhà tan thế nên Nguyễn Tuân đã ý thức rất sớm về lòng yêu quê hương, đất nước. Khi ông học đến cuối bậc Thành chung Nam Định (tương đương với cấp Trung học cơ sở hiện nay, tiền thân của trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định ngày nay) thì bị đuổi vì tham gia một cuộc bãi khóa phản đối mấy giáo viên Pháp nói xấu người Việt (1929). Và rồi ông phải đi tù, sau khi ra tù Nguyễn Tuân bén duyên với sự nghiệp viết lách và ông bắt đầu sáng tác.  Nguyễn Tuân bắt đầu cầm bút từ những năm 1935 cho đến 1938 thì mới bắt đầu nổi tiếng từ các tác phẩm như Vang bóng một thời, Một chuyến đi,…  - Nguyễn Tuân được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.  - Hiện nay, ở Hà Nội có một con đường mang tên ông, nối từ đường Nguyễn Trãi cắt ngang qua các phố Nguyễn Huy Tưởng, Ngụy Như Kon Tum đến đường Lê Văn Lương, nối với phố Hoàng Minh Giám.  **5. Bùi Xuân Phái**  Bùi Xuân Phái (1920 – 1988) sinh ra tại làng Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hà Tây, tỉnh Hà Đông (nay là thủ đô Hà Nội) là cái tên thuộc hàng kinh điển của nền Mỹ thuật Việt Nam. Ông tốt nghiệp khoa Hội họa trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khóa 1941–1945. Ông tham gia kháng chiến, tham dự triển lãm nhiều nơi. Năm 1952 về Hà nội, sống tại nhà số 87 Phố Thuốc Bắc cho đến khi mất. Năm 1956-1957 giảng dạy tại Trường Mỹ thuật Hà Nội  **6. Tạ Duy Hiển**  **Tạ Duy Hiển** (10 tháng 10 năm [1889](https://vi.wikipedia.org/wiki/1889" \o "1889) – 3 tháng 10 năm [1967](https://vi.wikipedia.org/wiki/1967" \o "1967)) là một nghệ sĩ [xiếc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Xi%E1%BA%BFc" \o "Xiếc) và dạy thú người [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam" \o "Việt Nam). Ông được coi là người sáng lập ngành [xiếc Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Xi%E1%BA%BFc_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&redlink=1" \o "Xiếc Việt Nam (trang không tồn tại)) hiện đại. Ông được truy tặng danh hiệu [Nghệ sĩ Nhân dân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_s%C4%A9_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n" \o "Nghệ sĩ Nhân dân) vào đợt 1 (1984)  - quê ở làng Quảng Minh, xã Mỹ Hưng, huyện [Thanh Oai](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_Oai" \o "Thanh Oai), nay là tỉnh [Hà Tây](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_T%C3%A2y_(t%E1%BB%89nh)" \o "Hà Tây (tỉnh)). Ông sinh ra trong một gia đình tiểu thương. Lúc lớn lên ông được tiếp xúc và học hỏi những nghệ sĩ nước ngoài sang [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam" \o "Việt Nam) biểu diễn  7. **Tô Hoài** (1920-2014)[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4_Ho%C3%A0i" \l "cite_note-1) là một nhà văn Việt Nam.  - Quê quán:  thôn Cát Động, Thị trấn Kim Bài, huyện [Thanh Oai](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_Oai" \o "Thanh Oai), tỉnh [Hà Đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_%C4%90%C3%B4ng_(t%E1%BB%89nh)" \o "Hà Đông (tỉnh)) cũ trong một gia đình [thợ thủ công](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BB%A3_th%E1%BB%A7_c%C3%B4ng&action=edit&redlink=1" \o "Thợ thủ công (trang không tồn tại)). Tuy nhiên, ông lớn lên ở quê ngoại là làng Nghĩa Đô, huyện [Từ Liêm](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB_Li%C3%AAm" \o "Từ Liêm), phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc phường [Nghĩa Đô](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%C4%A9a_%C4%90%C3%B4,_C%E1%BA%A7u_Gi%E1%BA%A5y" \o "Nghĩa Đô, Cầu Giấy), [quận Cầu Giấy](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%ADn_C%E1%BA%A7u_Gi%E1%BA%A5y" \o "Quận Cầu Giấy), [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i" \o "Hà Nội), [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam" \o "Việt Nam)[[2]](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4_Ho%C3%A0i" \l "cite_note-2)). Bút danh Tô Hoài gắn với hai địa danh: [sông Tô Lịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_T%C3%B4_L%E1%BB%8Bch" \o "Sông Tô Lịch) và phủ Hoài Đức.  - Một số tác phẩm tiêu biểu: Dế Mèn Phưu lưu kí, O chuột, Vợ chồng A Phủ…  - Ông được nhà nước Việt Nam trao tặng [Giải thưởng Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_th%C6%B0%E1%BB%9Fng_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh" \o "Giải thưởng Hồ Chí Minh) về Văn học – Nghệ thuật Đợt 1 (1996) cho các tác phẩm: *Xóm giếng, Nhà nghèo, O chuột, [Dế mèn phiêu lưu ký](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%E1%BA%BF_m%C3%A8n_phi%C3%AAu_l%C6%B0u_k%C3%BD" \o "Dế mèn phiêu lưu ký), Núi Cứu quốc, Truyện Tây Bắc, Mười năm, Xuống làng, Vỡ tỉnh, Tào lường, Họ Giàng ở Phìn Sa, Miền Tây, Vợ chồng A Phủ, Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ.* |

***Hoạt động 3: Luyện tập 10p***

**Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**- Hãy giới thiệu một số tác phẩm văn học nghệ thuật tiêu biểu của các danh nhân Hà Nội thế kỉ XIX-XX**

**Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận thành 6 nhóm.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận

***Hoạt động 4: Vận dụng 3p***

**Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**- Giới thiệu những tuyến phố mang tên danh nhân Hà Nội từ thế kỉ XIX-XX**

**Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân

**Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận

***\* Hướng dẫn học bài ở nhà : (2’)***

- GV chốt toàn bài

**RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 7:**

**Chủ đề 2: Một số danh nhân nổi tiếng Hà Nội xưa.**

**I**. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

*1. Kiến thức*:

- Nhận biết và kể tên được một số danh nhân yêu nước có đóng góp cho sự nghiệp cách mạng tiêu biểu của thủ đô Hà Nội từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

*2. Năng lực*

- Bồi dưỡng kĩ năng, việc làm để phát huy truyền thống yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường

*3. Phẩm chất:*

- Có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy truyền thống của người dân thủ đô

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. GV: - Giáo án, tư liệu danh nhân tiêu biểu của Hà Nội từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIX

2. HS: Tìm hiểu truyền thống hiếu học của người dân thủ đô

**III.** **TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1p)**

**2. Bài mời**

***A. Mở đầu (4p)***

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu các danh nhân văn hóa lịch sử thành phố Hà Nội

**b. Nội dung:** HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập : GV chiếu một số tác phẩm văn học, chân dung các danh nhân văn hóa, yêu cầu HS nêu hiểu biết về danh nhân đó.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh quan sát hình ảnh, đoán tên các danh nhân.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- Học sinh trả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- Giáo viên quan sát, nhận xét hoạt động học của học sinh:

- GV dẫn dắt vào bài:

***B. Hình thành kiến thức mới (25p)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **? Em hãy kể tên m**ột số danh nhân yêu nước có đóng góp cho sự nghiệp cách mạng tiêu biểu của thủ đô Hà Nội từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS căn cứ vào môn lịch sử thảo luận để tìm ra các danh nhân tiêu biểu  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Học sinh trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Giáo viên quan sát, nhận xét hoạt động học của học sinh  GV chốt ý và cung cấp cụ thể các danh nhân qua các thời kì lịch sử | **I. CÁC DANH NHÂN YÊU NƯỚC LÀ DOANH NHÂN CỦA HÀ NỘI XƯA**  **1. Bạch Thái Bưởi**  - là một [doanh nhân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Doanh_nh%C3%A2n" \o "Doanh nhân) [người Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t" \o "Người Việt) đầu thế kỷ 20. Các lĩnh vực kinh doanh nổi bật nhất của Bạch Thái Bưởi là [hàng hải](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0ng_h%E1%BA%A3i" \o "Hàng hải), khai thác [than](https://vi.wikipedia.org/wiki/Than_%C4%91%C3%A1" \o "Than đá) và [in ấn](https://vi.wikipedia.org/wiki/In_%E1%BA%A5n" \o "In ấn)  - quê quán: làng Yên Phúc, Nay là Phường Phúc La, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây.  - Xuất thân: Sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó, sớm phải mưu sinh  - Sự nghiệp:  + Năm [1894](https://vi.wikipedia.org/wiki/1894" \o "1894): làm việc cho một xưởng thuộc hãng thầu công chính và ở đây, lần đầu tiên ông được tiếp xúc, thu nhận những hiểu biết về máy móc, cách tổ chức, [quản lý sản xuất](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Qu%E1%BA%A3n_l%C3%BD_s%E1%BA%A3n_xu%E1%BA%A5t&action=edit&redlink=1" \o "Quản lý sản xuất (trang không tồn tại)).  + Năm [1895](https://vi.wikipedia.org/wiki/1895" \o "1895), ông được [Phủ Thống sứ Bắc kỳ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BB%A7_Th%E1%BB%91ng_s%E1%BB%A9_B%E1%BA%AFc_k%E1%BB%B3&action=edit&redlink=1" \o "Phủ Thống sứ Bắc kỳ (trang không tồn tại)) chọn làm người giới thiệu những sản phẩm của Việt Nam tại Hội chợ Bordeaux, nơi ông đã được tiếp xúc trực tiếp với xã hội phương Tây.  + Khi về nước, ông đã xin làm giám đốc công trình [cầu Long Biên](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A7u_Long_Bi%C3%AAn" \o "Cầu Long Biên), làm đại lý cung cấp [tà vẹt](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng_ray" \l "T%C3%A0_v%E1%BA%B9t" \o "Đường ray) gỗ cho [Sở Hoả xa Đông Dương](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=S%E1%BB%9F_Ho%E1%BA%A3_xa_%C4%90%C3%B4ng_D%C6%B0%C6%A1ng&action=edit&redlink=1" \o "Sở Hoả xa Đông Dương (trang không tồn tại)).  - Bạch Thái Bưởi được mệnh danh là **Chúa sông Bắc kỳ**. Công ty của Bạch Thái Bưởi bắt đầu mở rộng tầm hoạt động khắp Đông Dương và các nước lân cận  **2**. **Doanh nhân Trịnh Văn Bô: Tấm lòng cách mạng quý hơn vàng**  Cụ ông Trịnh Văn Bô (1914-1988) quê tại làng Bãi, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội), là một thương nhân nổi tiếng giữa thế kỷ XX. Là con út trong gia đình 3 anh chị em, người gốc Hoa, nhà có hiệu buôn tơ lụa Phúc Lợi nổi tiếng nhất nhì đất Hà Thành xưa.  Cho đến giữa năm 1940, cụ được xem là một trong những thương nhân giàu có nhất nhì đất Hà Thành nhờ công việc buôn bán tơ lụa khắp trong và ngoài nước. Ngoài ra, gia đình cụ còn sở hữu 1 nhà máy dệt và kinh doanh thêm đất đai tại nhiều nơi ở Hà Nội và các tỉnh phát triển.  Không chỉ nổi tiếng là nhà tư sản giàu có, cụ Trịnh Văn Bô và vợ còn để lại trong ký ức nhiều thế hệ người Việt Nam bởi sự tận tâm cống hiến hết mình cho cách mạng.  Cửa hiệu số 48 Hàng Ngang (Hà Nội) là nơi hoạt động cách mạng của nhiều cán bộ lãnh đạo khi chuyển từ chiến khu Việt Bắc trở về. Đặc biệt, cụ Bô và vợ vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh.  Ngôi nhà cũng chính là nơi Bác Hồ đã khởi thảo và hoàn thành bản Tuyên Ngôn độc lập.  Nạn đói năm 1945, vợ chồng doanh nhân Trịnh Văn Bô đã kịp thời ủng hộ 1000 vé phát cháo cứu đói. Thời điểm “Tuần lễ vàng” năm 1954 do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động để giải quyết tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” trước sự khó khăn tài chính lúc bấy giờ, cụ Bô cùng gia đình đã ủng hộ 5.147 lượng vàng. Không chỉ vậy, hai cụ còn là thành viên chủ chốt trong Ban vận động của Tuần lễ vàng, cụ  cũng khích lệ giới doanh nhân, kinh doanh và nhân dân quyên góp ủng hộ.  3. **Doanh nhân Đỗ Đình Thiện: Cống hiến bởi đơn giản - đất nước cần**  Nhà tư sản yêu nước nhiệt thành Đỗ Đình Thiện (1904-1972), ông là con của một gia đình tư sản giàu có tại Hà Nội đầu thế kỷ XX. Bắt đầu là một nhà tri thức hoạt động cách mạng nhiệt thành, ông và vợ trải qua biết bao thăng trầm của những năm tháng đất nước “đỏ lửa”.  đầu 1940, gia đình ông Thiện đã trở nên giàu có và nổi tiếng khắp đất Hà Thành với tiệm buôn tơ lụa Cát Lợi tại 54 Hàng Gai, Hà Nội. Cùng với đó là hoạt động nhà máy dệt Gia Lâm và đồn điền cà phê Chi Nê mà ông mua lại với giá tương đương 2.000 lượng vàng.  Năm 1945, cách mạng thành công và những năm đầu của chính quyền còn đầy những khó khăn, ông bà Đỗ Đình Thiện đã đóng góp vào “quỹ Độc lập” 10 vạn đồng Đông Dương, 100 lạng vàng trong “Tuần lễ vàng” (trong khi cả nước mới quyên góp được 300 lạng vàng).  Đặc biệt, để có nhà máy in tiền, giải quyết lớn về khó khăn tài chính vợ chồng Thiện đã tự bỏ tiền ra mua Nhà máy in Taupin của người Pháp để hiến cho cách mạng và Bộ Tài chính làm cơ sở in tiền của nhà nước ta trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến.  Đồn điền ở khu Chi Nê (Hòa Bình) của ông Thiện trở thành nơi hoạt động và che giấu cán bộ cách mạng và các chiến sĩ hành quân. Riêng vụ lúa mùa năm 1946-1947, gia đình ông đã ủng hộ 200 tấn thóc cho vệ quốc đoàn chiến khu 2. Gia đình ông Đỗ Đình Thiện là một trong 2 gia đình tư sản duy nhất ở Việt Nam cả 2 vợ chồng được Đảng và Nhà nước trao Huân chương bậc cao. |

***Hoạt động 3: Luyện tập 10p***

**Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Hãy nêu những tấm gương danh nhân yêu nước khác của Hà Nội trong giai đoạn TK XX-XXI**

**Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận thành 6 nhóm.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận

***Hoạt động 4: Vận dụng 3p***

**Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Em học tập được những phẩm chất gì của những danh nhân là doanh nhân ở phía trên**

**Bước 2 : HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân

**Bước 3 : Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.

**Bước 4 : Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và rút ra kết luận

***\* Hướng dẫn học bài ở nhà : (2’)***

- GV chốt toàn bài

- Chuẩn bị nội dung: Ôn tập giữa HK I

**RÚT KINH NGHIỆM**

Ngày soạn: 20/9/2023

Ngày dạy:

**TIẾT 8: ÔN TẬP GIỮA KÌ**

**I. Mục tiêu cần đạt**

1.Kiến thức

- HS nắm được những nét cơ bản về các đơn vị kiến thức đã tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, những nét đẹp của Hà Nội xưa và nay.

2. Năng lực: Tìm hiểu, khám phá, tiếp cận và tích lũy tư liệu

- Năng lực chung: Năng lực quan sát, tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ,

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy: Tìm hiểu, khám phá, tiếp cận và tích lũy tư liệu lịch sử, tái hiện sự kiện, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip…trải nghiệm thực tế.

- Kĩ năng tổng hợp kiến thức đã học.

3. Phẩm chất :

- Giáo dục lòng yêu quê hương, tự hào về lịch sử phát triển của thủ đô Hà Nội.

**II. Chuẩn bị**

Giáo viên và học sinh:

- Phương pháp: Trực quan, tổ chức các hoạt động nhóm, cá nhân, tập thể cho HS

- Chương trình giáo dục; Hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng

- Chuẩn bị theo sự hướng dẫn của GV về các nội dung ôn tập

**III. Tiến trình dạy - học:**

1. Ổn định lớp: 1p

2. Kiểm tra: Kiểm tra sự chuẩn bị của HS: Tư liệu kênh tiếng và kênh hình.

3. Bài mới

3.1. Hoạt động mở đầu 4p

- Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các đơn vị kiến thức đã tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, những nét đẹp của Hà Nội xưa và nay.

- Phương pháp: Quan sát ; Thuyết trình, trực quan, phát vấn – Tổng hợp, đánh giá kiến thức đã học theo tư duy của mỗi hs.

- GV giới thiệu bài mới: Chúng ta đã tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, những nét đẹp của Hà Nội xưa và nay. Các em đã có nhiều kiến thức và hiểu biết sâu sắc, cụ thể hơn về lịch sử hình thành và phát triển của Hà Nội ngàn năm văn hiến với những giá trị văn hóa truyền thống lâu đời, bền vững, tốt đẹp và tự hào về lịch sử phát triển của thủ đô Hà Nội qua 7 tiết học, hôm nay chúng ta sẽ cùng ôn lại những kiến thức đã học ấy để bồi dưỡng và củng cố thêm niềm tự hào về quê hương Hà Nội của chúng ta.

3.2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

- Mục tiêu: Nắm được những đơn vị kiến thức đã tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, những nét đẹp của Hà Nội xưa và nay.

- Phương pháp: Trực quan, phát vấn, thuyết trình, phân tích.

- Phương tiện: video, tranh ảnh sơ đồ tư duy,...

- Tổ chức hoạt động: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP DỰ ÁN

DỰ ÁN 1 – HÀ NỘI TRONG TRÁI TIM EM

I.MỤC TIÊU:

- Học sinh xây dựng ý tưởng thiết kế và xây dựng bài tập dự án theo chủ đề “*Hà Nội trong trái tim em*”

- Yêu cầu cần đạt: Ý tưởng thiết kế *một bức tranh; 1 đoạn video tư liệu giới thiệu về Hà Nội quê hương em; 1 clip bài hát về Hà Nội do em thực hiện hoặc em viết bài thuyết minh ngắn về các nội dung sau dưới hình thức 1 bản video:*

+ Hà Nội 36 phố phường

+ Giới thiệu các danh nhân là nhà văn, nhà thơ của Hà Nội

+ Giới thiệu danh lam thắng cảnh Hà Nội

+ Những người chiến sĩ cách mạng yêu nước của Hà Nội

II. NHIỆM VỤ:

- Căn cứ vào các nội dung đã học: sưu tầm tư liệu, tranh ảnh, biên tập video,…

- Nội dung: Hs tùy chọn sáng tạo theo ý tưởng của mình.

\* RÚT KINH NGHIỆM